

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 13-03-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH D1 - Do ông Nguyễn Mạnh H - Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 262, khu 2, thị trấn Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nay là: Số 262, khu 2, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L - Do ông Đặng Hồng D, Giám đốc là người đại diện.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L ông Đào Bá T, nhân viên Công ty L .

Cùng địa chỉ: Số nhà C - C đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH P - Do bà Nguyễn Thị V - Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật.

Đ chỉ: Khu Đ, xã H (N là xã S), huyện H, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH D1 ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Năm 2022, Công ty TNHH P (gọi tắt là “Công ty P”) và Công ty TNHH D1 (gọi tắt là “Công ty D1”) có thực hiện kí hợp đồng số: 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP về việc mua bán cát sỏi cho việc san lấp tại khu vực bãi S, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Theo nội dung hợp đồng phía Công ty P đồng ý bán và bên Công ty D1 đồng ý mua khối lượng cát làm vật liệu san lấp tại Khu vực bãi S, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Tại Điều 4 của hợp đồng nguyên tắc số: 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP, để đảm bảo thực hiện hợp đồng, hai bên đã thống nhất về việc Công ty D1 đặt cọc cho Công ty P số tiền 700.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm triệu đồng). Do đó, Công ty D1 đã thanh toán số tiền đặt cọc là 700.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm triệu đồng) thông qua hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Công ty P. Hiện tại, các bên đã thực hiện xong hợp đồng và chốt công nợ, theo bảng tổng hợp nhận đất các bên đã thống nhất tổng số tiền thực hiện hợp đồng là 308.514.500 đồng (bằng chữ: Ba trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng). Công ty D1 đã đặt cọc số tiền 700.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm triệu đồng). Vì vậy Công ty P phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty D1 số tiền còn lại là 391.485.500 đồng (bằng chữ. Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng).

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, bà Nguyễn Thị V - Giám đốc Công ty P đã ký và xác nhận hoàn trả số tiền còn lại cho Công ty D1 chậm nhất đến ngày 30/03/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty P vẫn chưa hoàn trả số tiền còn lại của hợp đồng, Công ty D1 đã nhiều lần liên hệ cho bà Nguyễn Thị V - Giám đốc công ty nhưng bà V liên tục trốn tránh, không hợp tác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo đó, Công ty P phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn lại của hợp đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty D1.

Ngoài ra Công ty P đã tự ý chấm dứt hợp đồng mà không thông báo hoặc đưa ra bất kỳ lý do chính đáng nào về việc chấm dứt hợp đồng. Việc Công ty P đã tự ý chấm dứt hợp đồng đã vi phạm nội dung hai bên đã thỏa thuận tại Điều 10 của hợp đồng nguyên tắc số: 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP quy định về Bồi thường và phạt hợp đồng cụ thể như sau: "Bên nào đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không có lý do chính đáng hoặc không bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng thì bị phạt 3% giá trị hợp đồng". Vì vậy Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là: 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng).

Nay Công ty D1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Thứ nhất: Yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng nguyên tắc số: 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP với số tiền là: 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng).

Thứ hai: Yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D1 tạm tính từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 đến ngày 15 tháng 09 năm 2024 là: 57.168.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Thứ ba: Yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là: 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng)

Tổng số tiền Công ty D1 yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty D1 là: 469.671.500 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu chín triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH P do bà Nguyễn Thị V Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật vắng không có lý do. Bà V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy báo làm việc; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà V không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Công ty D1, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của Công ty D1 được.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S cung cấp: Công ty TNHH P, do bà Nguyễn Thị V, Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Hiện nay có trụ sở tại khu Đ, thôn H, xã H (N là xã S), huyện H, tỉnh Bắc Giang hiện nay vẫn mở cửa và hoạt động.

Tại Công văn số 15/CV-ĐKKD, Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp. Công ty TNHH P có mã số 0105296851; Đăng ký lần đầu ngày 09/05/2011; Đăng ký thay đổi lần 10 ngày 04/05/2023. Tình trạng pháp lý đang hoạt động. Địa chỉ trụ sở chính: Khu Đ, xã H, (Nay là xã S), huyện H, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Nguyễn Thị V, chức vụ Giám đốc.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH D1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng nguyên tắc số: 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP với số tiền là: 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng) và phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D1 tính từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 đến ngày 15 tháng 09 năm 2024 với lãi suất là 10%/năm là: 56.754.900 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng).

Đối với yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là: 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng) đến nay Công ty TNHH D1 xin rút yêu cầu này.

Người đại diện của bị đơn Công ty TNHH P là bà Nguyễn Thị V vắng mặt Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn sự chưa chấp hành các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 385; Điều 386; Điều 398, Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 435, Điều 357, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1.

+ Buộc Công ty TNHH P phải trả cho Công ty TNHH D1 số tiền là: 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng) và 56.754.900 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng) tiền lãi với lãi suất là 10%/năm tính từ 01 tháng 04 năm 2023 đến ngày 15 tháng 09 năm 2024.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH D1 về việc yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là: 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng).

- Về án phí: Buộc Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả Công ty TNHH D1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH D1 khởi kiện Công ty TNHH P về việc thanh toán số tiền còn nợ theo theo Hợp đồng mua bán cát sỏi số 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP ngày 05/01/2022; Biên bản chốt nợ ngày 9-03-2023. Công ty TNHH P có địa chỉ trụ sở tại khu Đ, thôn H, xã H (N là xã S), huyện H, tỉnh Bắc Giang. Công ty TNHH D1 và Công ty TNHH P đều có đăng ký kinh doanh và thực hợp hợp đồng mua bán với mục đích lợi nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay Công ty TNHH P có địa chỉ trụ sở tại khu Đ, thôn H, xã H (N là xã S), huyện H, tỉnh Bắc Giang vẫn đang hoạt động. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt người đại diện của Công ty TNHH P.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty TNHH D1 và Công ty TNHH P có ký hợp đồng về việc mua bán cát sỏi cho việc san lấp tại khu vực bãi S, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang số: 03.12/2021/HĐMB/CVP-HP ngày 05/01/2022. Xét hợp đồng kinh tế đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[4] Về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng thì Công ty D1 đặt cọc cho Công ty P số tiền 700.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm triệu đồng). Sau khi thực hiện hợp đồng Công ty H1 phát mua mặt hàng là cát san lấp của Công ty P bán cho theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Sau đó hai bên chốt công nợ tính đến ngày 9/02/2023 thì Công ty P còn nợ số tiền là 391.485.500 đồng (bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng), bà Nguyễn Thị V, Giám đốc công ty A D có viết giấy hẹn đến ngày 30/03/2023 thì sẽ trả số tiền này cho Công ty D1. Tuy nhiên từ đó đến nay Công ty P vẫn không thanh toán số tiền trên cho Công ty D1. Do vậy Công ty D1 khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn nợ là 391.485.500 đồng (bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng) là phù hợp các Điều 385; Điều 386; Điều 398, Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 435, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[5] Về yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của nguyên đơn.

Đến nay nguyên đơn Công ty D1 yêu cầu bị đơn Công ty P phải trả số tiền lãi với lãi suất 10%/năm của số nợ gốc chưa trả là 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng) tính từ ngày 01/04/2023 đến ngày 15/09/2024 là 56.754.900 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng). Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Tại biên bản tổng hợp nhận đất và chốt lại số tiền còn nợ với nhau Công ty P do bà Nguyễn Thị V đại diện phải trả lại cho Công ty D1 số tiền 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng). Ngày 09/02/2023 trực tiếp bà Nguyễn Thị V có viết xác nhận số nợ trên sau khi hai bên chốt và hẹn chậm nhất ngày 30/03/2023 thì trả và không có ghi thỏa thuận về lãi suất. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa Công ty D1 yêu cầu tính mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử vụ án 14/09/2024. Căn cứ quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy

định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tức là 10%/năm của khoản tiền chậm trả. Do vậy, yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm tương đương với mức 0.83%/tháng của Công ty D1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Nay Công Ty D1 yêu cầu Công ty P phải trả số tiền lãi của số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 01/04/2023 đối với số tiền nợ gốc là 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng) tính đến ngày 15/09/2024 là 17 tháng 14 ngày là 56.754.900 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng) là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc Công ty P trả cho Công ty D1 số tiền lãi này.

[6] Về yêu cầu tiền phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty D1 xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là: 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng). Xét thấy việc Công ty D1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Công ty D1.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty D1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 385; Điều 386; Điều 398, Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 435, Điều 357, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1.

+ Buộc Công ty TNHH P phải trả cho Công ty TNHH D1 số tiền là: 391.485.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín một triệu bốn trăm tám năm nghìn năm trăm đồng) và 56.754.900 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng) tiền lãi tính từ 01 tháng 04 năm 2023 đến

ngày 15 tháng 09 năm 2024. Tổng số tiền Công ty TNHH P phải trả cho Công ty TNHH D1 là 448.240.400 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D1 về việc yêu cầu Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền là: 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc Công ty TNHH P phải chịu 21.929.600 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty TNHH D1 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004276 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án : Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Đức Nhường

